

Trường Mầm non Xuân Bắc
Nhóm 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Tiêu chí 1: Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Mô tả hiện trạng

- Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị. (Điều kiện bắt buộc).

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và đơn đốc phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện, nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Bộ GD&ĐT năm 2026.

3. Điểm yếu

- Một số giải pháp chưa khả thi

4. Kế hoạch cải tiến

Tăng cường quán triệt, nhận thức đầy đủ về chủ trương chuyển đổi số của Trung ương, của tỉnh và ngành Giáo dục, tạo nền tảng, khơi gợi sự sáng tạo đột phá để ứng dụng CNTT và CDS mạnh mẽ trong mọi hoạt động của đơn vị.

5. Kết luận về tiêu chí: Đạt mức độ 3

Xác nhận của nhóm trưởng

Trà lũ, ngày 10 tháng 5 năm 2026

Người viết



Lê Thị Kim Thoa

Lê Thị Hiếu

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Chỉ số 2.1. Quản lý thông tin trẻ em

1. Mô tả hiện trạng
 - Đã quản lý thông tin của trẻ trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành
2. Điểm mạnh
 - Đã triển khai áp dụng thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý trẻ.
3. Điểm yếu.
 - Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.
4. Kế hoạch cải tiến
 - Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin, chuyên đổi số.
 - Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.2. Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em

1. Mô tả hiện trạng
 - Đã quản lý thông tin theo dõi sức khỏe của trẻ trên phần mềm CSDL ngành.
2. Điểm mạnh
 - Đã triển khai áp dụng thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục.
3. Điểm yếu.
 - Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.
4. Kế hoạch cải tiến
 - Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.
 - Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.3. Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Mô tả hiện trạng
 - Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) trên phần mềm CSDL ngành.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên phần mềm CSDL ngành.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.4. Quản lý thông tin y tế trường học

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học trên phần mềm CSDL ngành.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên, đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học trên phần mềm CSDL ngành.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyển đổi số.

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 2,5 điểm

Chỉ số 2.5. Quản lý thông tin phổ cập giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục (PCGD) trên phần mềm.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên, đa số cán bộ, giáo viên đã khai thác phần mềm, điều tra và nhập số liệu chính xác, đúng thời đáp ứng các yêu cầu về thông tin PCGD cho trẻ em 5 tuổi học trên phần mềm CSDL ngành.

3. Điểm yếu.

- Trường không có giáo viên tin học, nên việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyên đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.6. Quản lý thông tin tài sản, tài chính

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai báo cáo, thống kê tài sản, tài chính từ dữ liệu của đơn vị chính xác, nhanh gọn với hiệu quả cao; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính trên phần mềm.

2. Điểm mạnh

- Nhập số liệu chính xác báo cáo, thống kê đúng thời gian.

3. Điểm yếu.

- Việc khai thác áp dụng phần mềm đôi khi gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyên đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 3 điểm

Chỉ số 2.7. Quản lý văn bản điện tử

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử tối đa.

2. Điểm mạnh

- Tiếp nhận và giải quyết văn bản; lưu trữ văn bản và phục vụ sử dụng, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

3. Điểm yếu.

- Việc khai thác, lưu trữ còn gặp khó khăn một số khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, chuyên đổi số.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 3 điểm

Chỉ số 2.8. Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ trẻ ăn bán trú đạt 100%, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao đạt trên 90%.

3. Điểm yếu.

- Không có

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 7 điểm

Chỉ số 2.9. Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non, ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM vào để tổ chức các động giáo dục đạt kết cao/trẻ.

3. Điểm yếu.

- Bước đầu ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM lên một số giáo viên chưa hiểu hết nội hàm của phương pháp

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, tích cực nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 7 điểm

Chỉ số 2.10. Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Cha mẹ trẻ đã cung cấp các thông tin liên quan đến đặc điểm cá nhân và sự phát triển của trẻ.

- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên, nhà trường trong các hoạt động cụ thể hướng tới chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường cũng như tại gia đình.

- Phối hợp cùng với nhà trường kiểm tra đánh giá sự phát triển của trẻ.

- Cùng với giáo viên, nhà trường tạo ra môi trường giáo dục tốt nhất cho trẻ nhằm giúp trẻ có cơ hội phát triển một cách toàn diện nhất.

3. Điểm yếu.

- Một số cha mẹ trẻ đi làm ăn xa lên việc phối hợp với nhà trường chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến

- Làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương về giáo dục mầm non tới cha mẹ trẻ và cộng đồng.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5 điểm

Chỉ số 2.11. Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Giúp cho cha mẹ trẻ có thêm một số kiến thức cơ bản về việc nuôi dạy con theo khoa học, giúp cha mẹ trẻ phòng chống được một số bệnh tật, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em.

3. Điểm yếu.

- Một số ít cha mẹ trẻ còn thờ ơ, chủ quan trong việc nuôi dạy trẻ

4. Kế hoạch cải tiến

- Làm tốt công tác tuyên truyền về những kiến thức nuôi dạy trẻ cơ bản tới cha mẹ trẻ và cộng đồng.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 1,5 điểm

Chỉ số 2.12. Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành giáo dục do Bộ giáo dục quản lý

1. Mô tả hiện trạng

- Đã triển khai và kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

2. Điểm mạnh

- Nhập dữ liệu đúng thời gian và chính xác

3. Điểm yếu.

- Đôi khi có trường hợp khi nhập mã định danh của trẻ không được.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 5,5 điểm

Chỉ số 2.13. Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, ứng dụng quản trị nuôi dưỡng. (Điều kiện bắt buộc)

1. Mô tả hiện trạng

- Đã Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, ứng dụng quản trị nuôi dưỡng.

2. Điểm mạnh

- Đã vận hành, khai thác sử dụng, ứng dụng quản trị nuôi dưỡng hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt mức 3

* **Tổng hợp đánh giá:** Tiêu chí 2: 53 điểm

Chỉ số	Điểm số
2.1	05
2.2	05
2.3	05
2.4	2,5
2.5	05
2.6	03
2.7	03
2.8	07
2.9	07
2.10	05
2.11	1,5
2.12	5,5
2.13	(Điều kiện bắt buộc)
Tổng điểm	59,5

Đạt: Mức độ 3

Xác nhận của nhóm trưởng



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Xuân Hưng, ngày 10 tháng 5 năm 2026

Người viết



Nguyễn Thị Duyên

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến

Chỉ số 3.1. Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến

1. Mô tả hiện trạng

- Chưa triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp

2. Điểm mạnh: Không có

3. Điểm yếu.

- Do đặc thù cấp học mầm non trẻ nhỏ và nhập học không cùng một thời điểm đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường có kế hoạch triển khai dịch vụ vào năm học 2026-2027

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 0 điểm

Chỉ số 3.2. Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng Web/thiết bị thông minh/mạng xã hội/OTT (ove the top) gồm tối thiểu các chức năng; Thông tin, thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã triển khai dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng Web/thiết bị thông minh/mạng xã hội/OTT.

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai đầy đủ tối thiểu các chức năng.

3. Điểm yếu.

- Một số cha mẹ trẻ đi làm ăn xa để con cho ông bà nuôi lên việc kết nối qua các thiết bị thông minh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tích cực tuyên truyền tới cha mẹ trẻ tham gia dịch vụ kết nối, để sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đạt hiệu quả cao.

5. Kết luận của chỉ số: Đạt 4 điểm

Chỉ số 3.2. Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường đã triển khai thực hiện thu phí dịch vụ thông qua tài khoản ngân hàng của đơn vị

2. Điểm mạnh

- Đã triển khai thường xuyên và hiệu quả cao.

3. Điểm yếu.

- Một số ít gia đình còn nộp (chuyển khoản) chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc của Kế toán.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tích cực tuyên truyền tới cha mẹ trẻ thực hiện nộp tiền bằng hình thức chuyển khoản đúng thời gian.

5. Kết luận của chỉ số: Đạt 4 điểm

* **Tổng hợp đánh giá:** Tiêu chí 3: 08 điểm

Chỉ số	Điểm số
3.1	0
3.2	04
3.3	04
Tổng điểm	08

Đạt: Mức độ 2

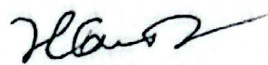
Xác nhận của nhóm trưởng

Trà lũ, ngày 10 tháng 5 năm 2026

Người viết



Mai Thị Kim Cúc



Lê Thị Hồng Gấm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Chỉ số 4.1. Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng

- 80,7% giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

- Giáo viên tích cực học tập nâng cao trình độ công nghệ thông tin.

3. Điểm yếu.

- Một số giáo viên cao tuổi tiếp cận và sử dụng các ứng dụng hiệu quả chưa cao, lúng túng.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 10 điểm

Chỉ số 4.2. Tỷ lệ giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số

1. Mô tả hiện trạng

- 100% giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.

2. Điểm mạnh

- 100% cán bộ giáo viên có giấy chứng nhận ứng dụng CNTT cơ bản;

- 42,3% cán bộ giáo viên tham gia khóa đào tạo chuyên đổi số trong giáo dục, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử và vận hành đào tạo E-LEARNING (có giấy chứng nhận).

- 42,3 % cán bộ giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng chuyên đề “Một số vấn đề cơ bản về chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh của địa phương, (có giấy chứng nhận).

3. Điểm yếu.

- Giáo viên chưa có nhiều thời gian để học tập nghiên cứu.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 10 điểm

*** Tổng hợp đánh giá: Tiêu chí 4: 20 điểm**

Chỉ số	Điểm số
4.1	10
4.2	10
Tổng điểm	20

Đạt: Mức độ 3

Xác nhận của nhóm trưởng

Xuân Hưng, ngày 10 tháng 5 năm 2026

Người viết

Lan

Vân

Vũ Thị Lan

Nguyễn Thị Vân

Trường Mầm non Xuân Bắc

Nhóm 5

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Tiêu chí 5: Hạ tầng thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Chỉ số 5.1: Tỷ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet.

1. Mô tả hiện trạng

- 100% số phòng học có thiết bị như (tivi, máy tính và 1 số thiết bị phụ trợ khác) Hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được kết nối Internet.

2. Điểm mạnh

- Thường xuyên nâng cấp, sửa chữa trang thiết bị đảm bảo tối đa việc hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhóm lớp

3. Điểm yếu.

- Còn thiếu 1 số thiết bị hiện đại

4. Kế hoạch cải tiến

- Tiếp tục đầu tư, mua sắm trang thiết bị đáp ứng nhu cầu GDMN hiện nay.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 04 điểm

Chỉ số 5.2. Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

- Có đầy đủ máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn.

2. Điểm mạnh

- Có đầy đủ các văn bản, hồ sơ, sổ sách việc thực hiện kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý, sử dụng hạ tầng, thiết bị tại đơn vị.

3. Điểm yếu.

4. Kế hoạch cải tiến

- Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, quản trị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Kết luận về chỉ số: Đạt 4 điểm

* Tổng hợp đánh giá tiêu chí 5: 08 điểm

Chỉ số	Điểm số
5.1	04
5.2	04
Tổng điểm	08

Đạt: Mức độ 3

Xác nhận của nhóm trưởng

Xuân Hưng, ngày 10 tháng 5 năm 2026

Người viết



Đỗ Thị Vân Anh



Phạm Thị Hòa